

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM THAO
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2022/HNGĐ-ST

Ngày 30 - 8 - 2022

V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM THAO, TỈNH PHÚ THỌ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Khắc Chiên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Tâm, ông Hà Thanh Phong

- **Thư ký phiên toà:** Ông Nguyễn Trung Kiên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 159/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2022 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên toà số 12/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H- sinh năm 1997

Địa chỉ: Khu 7, thị trấn H, huyện L, tỉnh Phú Thọ

(Chỗ ở: Khu 6, xã S, huyện L, tỉnh Phú Thọ)

(Có mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Thế H1 - sinh năm 1991

Địa chỉ: Khu 7, thị trấn H, huyện L, tỉnh Phú Thọ

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện và lời khai tại Toà án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thế H1 đăng ký kết hôn ngày 08/12/2015 tại UBND thị trấn H, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Khi kết hôn hai bên tự nguyện, không bị ép buộc. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 12/2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách hai bên không hợp nhau dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh H1 còn nghi ngờ chị có

quan hệ bất chính với người con trai khác, trong cuộc sống hàng ngày anh H1 không quan tâm đến chị và các con, khi vợ chồng cãi chửi nhau thì anh H1 đánh chị. Mâu thuẫn vợ chồng có được gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng đời sống chung vợ chồng không cải thiện được, chị và các con đã thuê nhà ở khu 7, thị trấn H, huyện L, tỉnh Phú Thọ để ở sau đó chuyển về ở cùng với bố mẹ đẻ của chị ở khu 6, xã S, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 12/2021 đến nay, thời gian này hai bên không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Thế H1.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Thế L - sinh ngày 19/01/2016, Nguyễn Thùy Bảo A - sinh ngày 12/02/2018 và Nguyễn Thế Q - sinh ngày 09/9/2019. Hiện nay các con đang ở với chị. Khi ly hôn chị nhận nuôi 03 con chung, không đề nghị anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp gia đình: Vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Thế H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc nên không lấy được lời khai của anh H1 và không tiến hành hòa giải được vụ án.

- Tòa án xác minh tại khu dân cư và gia đình của anh H1, nội dung xác minh thể hiện như sau:

Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Thế H1 đăng ký kết hôn năm 2015 tại UBND thị trấn H, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Khi kết hôn hai bên tự nguyện, không bị ép buộc và được gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương. Vợ chồng chị Hoa sống hạnh phúc đến tháng 12/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách hai bên không hợp nhau dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã cãi chửi nhau và anh H1 tát vào mặt chị Hoa. Mâu thuẫn giữa chị Hoa và anh H1 có được gia đình khuyên giải nhưng đời sống chung vợ chồng không cải thiện được. Vợ chồng chị H sống ly thân từ tháng 12/2021 đến nay.

Vợ chồng chị H anh H1 có 03 con chung là Nguyễn Thế L - sinh ngày 19/01/2016, Nguyễn Thùy Bảo A - sinh ngày 12/02/2018 và Nguyễn Thế Q - sinh ngày 09/9/2019. Hiện nay các con đang ở với chị H.

Tài sản chung và công sức đóng góp gia đình: Vợ chồng chị H không có.

Nợ chung: Vợ chồng chị H có vay nợ ai hay không thì không nắm được.

Nay chị H xin ly hôn anh H1, quan điểm của đại diện khu dân cư là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật; quan điểm của gia đình anh H1 là đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn anh H1 vì hiện nay vợ chồng đang sống ly thân.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký ghi biên bản phiên tòa và việc chấp hành

pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký ghi biên bản phiên tòa và nguyên đơn dân sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đối với bị đơn đã không chấp hành các quy định của pháp luật.

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81 Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H. Đề nghị xử cho chị H được ly hôn anh H1.

Về con chung: Giao 03 con chung là Nguyễn Thế L - sinh ngày 19/01/2016, Nguyễn Thùy Bảo A - sinh ngày 12/02/2018 và Nguyễn Thế Q - sinh ngày 09/9/2019 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp gia đình: Không giải quyết.

Về án phí ly hôn: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Xét thấy anh Nguyễn Thế H1 cư trú tại thị trấn Hùng Sơn, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ. Chị Nguyễn Thị H xin ly hôn anh Nguyễn Thế H1 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao.

Anh Nguyễn Thế H1 là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến tòa án làm việc và vắng mặt phiên tòa lần 2. Căn cứ vào khoản 2 Điều 208, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu chứng cứ và xét xử vắng mặt anh H1 là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Thế H1 đăng ký kết hôn ngày 08/12/2015 tại UBND thị trấn H, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Khi kết hôn hai bên tự nguyện, không bị ép buộc. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh H1 là hợp pháp. Chị H xin ly hôn nhưng anh H1 không đến Tòa án giải quyết. Để có căn cứ giải quyết việc chị H xin ly hôn anh H1 thì Tòa án xác minh tại khu dân cư và gia đình anh H1, nội dung xác minh thể hiện tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh H1 hiện nay không được hạnh phúc, chị H và anh H1 đã cãi chửi và đánh nhau, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị H và anh H1 bất đồng quan điểm sống, chị H và anh H1 đã sống ly thân từ tháng 12/2021 đến nay. Xét thấy chị H trình bày về tình trạng hôn nhân là hoàn toàn phù hợp với nội dung Tòa án xác minh, hiện nay vợ chồng đang sống ly thân và không quan tâm đến nhau. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh H1 là mâu thuẫn rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đại diện Viện

kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H về việc xin ly hôn anh H1 là có căn cứ. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H nên xử cho chị H được ly hôn anh H1.

[3] Về con chung: Chị H và anh H1 có 03 con chung là Nguyễn Thế L - sinh ngày 19/10/2016, Nguyễn Thùy Bảo A - sinh ngày 12/02/2018 và Nguyễn Thế Q - sinh ngày 09/9/2019. Xét thấy anh H1 không đến Tòa án giải quyết và vắng mặt phiên tòa nên không có quan điểm về nuôi con, hiện nay 03 con chung đang ở với chị H và chị H nhận nuôi 03 con chung. Quan điểm của gia đình anh H1 là chị H nhận nuôi 03 con chung thì Tòa án giải quyết cho chị H được nuôi 03 con chung. Theo quy định tại Điều 69 của Luật Hôn nhân và gia đình, trông nom, nuôi dưỡng và chăm sóc con chưa thành niên là nghĩa vụ và quyền của cha, mẹ nên chị H nhận nuôi 03 con chung là phù hợp. Vì vậy, giao 03 con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Đối với cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy chị H không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con nên anh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp gia đình: Xét thấy chị H xác định không có, còn anh H1 vắng mặt nên không làm rõ được chị H và anh H1 có hay không có tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp gia đình. Vì vậy, không giải quyết tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp gia đình.

[5] Về án phí ly hôn. Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147; Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H về việc xin ly hôn anh Nguyễn Thế H1. Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Thế H1.

3. Về con chung: Giao 03 con chung là Nguyễn Thế L - sinh ngày 19/10/2016, Nguyễn Thùy Bảo A - sinh ngày 12/02/2018 và Nguyễn Thế Q - sinh ngày 09/9/2019 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Nguyễn Thế H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị Nguyễn Thị H không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Thế H1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp gia đình: Không giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0002174 ngày 10/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Thao (Xác nhận chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ 300.000 đồng án phí ly hôn).

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lâm Thao;
- Chi cục THADS huyện Lâm Thao;
- UBND thị trấn H;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Khắc Chiên